

Bản án số: **55 /2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 26/9/2018
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

Yên Thành, ngày 26 tháng 9 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Trọng Thế.

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Trọng Hiếu – kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T– sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: xóm 3, xã B, huyện Y, tỉnh N.(có mặt)

Tạm trú tại: xóm 4, xã T, huyện Y, tỉnh N

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Hiền – sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: xóm 3, xã B, huyện Y, tỉnh N.(vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/6/2018, tại bản tự khai, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy H kết hôn vào ngày 04/7/2006, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh N. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5

- 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, ngày một căng thẳng và trầm trọng nhất là khoảng 3 năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu: do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, anh H thiếu sự quan tâm chăm lo gia đình. Mâu thuẫn đã được hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hai bên chính thức ly thân không còn quan hệ chung sống từ tháng 3/2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Duy K – sinh ngày 24/12/2009 và Nguyễn Thị Thảo V – sinh ngày 18/9/2015. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung đến lúc trưởng thành, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Duy H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh H vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể làm việc được với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với anh Nguyễn Duy H. Đây là phiên tòa được mở lần thứ 2 nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

Xét hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp, tuân thủ các quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế và xác minh tại địa phương thì thấy rằng, cuộc sống của vợ chồng nhiều năm gần đây không được hạnh phúc, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh H thiếu sự quan tâm, chăm lo gia đình. Mâu thuẫn liên tục xảy ra và đã thực sự căng thẳng, trầm trọng, hai bên đã sống ly thân không còn tình cảm gì với nhau nữa. Tòa án đã khuyên bàn nhưng chị T một mực kiên quyết xin được ly hôn. Xét đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị T, anh H có 2 con chung như đã nêu ở trên. Ly hôn chị Tt có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 2 con chung đến lúc trưởng thành, không

yêu cầu anh H phải cấp dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng, cả 2 con hiện đang sinh sống ổn định cùng chị T ở bên ngoại, thu nhập của chị T đảm bảo cho việc nuôi con. Hiện tại anh H đã bỏ đi làm ăn xa, ít khi có mặt tại địa phương. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu Nguyễn Duy K thiết tha xin được ở với mẹ. Do đó, cần giao cả 2 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký cụ thể như sau: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện các quy định tại điều 203 BLTTDS năm 2015. Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp. Việc chấp hành theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa Thẩm phán, HĐXX và Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án. Với các tài liệu do đương sự cung cấp và thẩm phán thu thập có tại hồ sơ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và yêu cầu về con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình.

Xử: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy K – sinh ngày 24/12/2009 và Nguyễn Thị Thảo V – sinh ngày 18/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

Anh Nguyễn Duy H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003190 ngày 26/6/2018. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày, nhưng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Giang